

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-UBND Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị số 91/CV-GMH ngày 30/12/2025 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 104/TTr-SNNMT ngày 22/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị, địa chỉ tại xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà.

1.2. Địa điểm hoạt động: Quốc Lộ 9, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200040982 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 11/9/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30/11/2021.

1.4. Mã số thuế: 3200040982.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch Tuynel.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 47.756 m² gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà cảng chứa gạch mộc diện tích 11.200 m²; Nhà tạo hình diện tích 1.250 m²; Nhà cơ khí 240 m²; Nhà xếp goòng, lò nung 2.680 m²; Nhà chứa đất 360 m².

+ Công trình phụ trợ: 13.934,7 m², gồm Nhà văn phòng, Nhà trực, Bãi chứa sản phẩm.

+ Các hạng mục bảo vệ môi trường: Bể lắng nước mưa: 9 m²; Sân vườn, cây xanh: 12.001,3 m².

- Nhóm Dự án: C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công suất sản xuất: Sản xuất gạch Tuynel với công suất 20 triệu viên/năm, bao gồm:

+ Gạch đặc với công suất: 2.030.000 viên/năm;

+ Gạch nửa và gạch 4 lỗ với công suất: 1.120.000 viên/năm;

+ Gạch 6 lỗ với công suất: 16.850.000 viên/năm.

- Quy trình công nghệ

Quy trình công nghệ sản xuất gạch Tuynel: Bãi chứa đất → Kho chứa đất → Cấp liệu thùng → Băng tải 1 → Cán thô → Máy nhào 2 trục → Băng tải 2 → Cán mịn → Nhào ép dùng hút chân không → Bàn cắt tự động → Phơi → Kho chứa gạch mộc → Lò sấy → Lò nung → Bãi thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **03 năm**, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Các Sở: NN&MT, Xây dựng;
- Chánh VP, PCVP Nguyễn Cửu;
- UBND Phường Đông Hà;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI****Cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà***(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 3: Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa thành phẩm.
- Nguồn số 4: Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa đất nguyên liệu.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01 (Nguồn số 1): Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn tại Khu nhà văn phòng được thoát ra môi trường khu vực Cơ sở.
- Dòng thải số 02 (Nguồn số 2): Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn tại khu vực xưởng sản xuất được thoát ra môi trường khu vực Cơ sở.
- Dòng thải số 03 (Nguồn số 3): Nước thải sau xử lý bằng hệ thống bể lắng 02 ngăn sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước trên tuyến Quốc lộ 9.
- Dòng thải số 04 (Nguồn số 4): Nước thải sau xử lý bằng hệ thống 02 bể lắng sẽ thoát ra khe nước tự nhiên cách khu vực bãi chứa nguyên liệu khoảng 45 m về phía Đông Bắc.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ vị trí xả nước thải:
 - + Dòng thải số 1: Vị trí đầu ra bể tự hoại 5 ngăn tại khu vực khu nhà văn phòng, Tọa độ: X: 1.858.965 m, Y: 611.597 m.
 - + Dòng thải số 02: Vị trí đầu ra bể tự hoại 5 ngăn tại khu vực xưởng sản xuất, Tọa độ: X: 1.858.879 m, Y: 611.808 m.
 - + Dòng thải số 03: Vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi chứa thành phẩm. Tọa độ: X: 1.858.969 m, Y: 611.583 m.
 - + Dòng thải số 04: Vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi chứa đất nguyên liệu. Tọa độ: X: 1.858.871 m, Y: 611.520 m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 219 m³/ngày.đêm.

- Nguồn thải số 1: 1,75 m³/ngày.đêm.
- Nguồn thải số 2: 1,75 m³/ngày.đêm.
- Nguồn thải số 3: 179,5 m³/ngày.đêm.
- Nguồn thải số 4: 36 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01, 02: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5,5 - 9		
3	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
12	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

- Dòng thải số 03, 04: Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải phải đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, Kq=0,9; Kf=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5,5 - 9		
3	Màu	Pt/Co	162		
4	TSS	mg/l	108		
5	BOD ₅	mg/l	54		
6	COD	mg/l	162		
7	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Thu gom nước thải từ nhà vệ sinh: Được thu gom bằng đường ống PVC D110 dẫn về 02 bể tự hoại 5 ngăn đặt ngầm dưới công trình để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí bố trí tại các khu vực nhà vệ sinh công nhân, khu vực văn phòng và khu vực xưởng sản xuất.

+ Thoát nước thải từ nhà vệ sinh: Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn, sau đó thoát ra môi trường của khu vực Cơ sở.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực có nguy cơ ô nhiễm:

+ Thu gom nước mưa chảy tràn qua khu vực có nguy cơ ô nhiễm từ bãi chứa sản phẩm ngoài trời và từ bãi chứa đất nguyên liệu: được thu gom theo rãnh đưa về hệ thống xử lý nước thải để lắng cặn.

+ Thoát nước thải: Nước thải sau khi xử lý bằng các bể lắng sẽ đầu nối thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng 02 bể tự hoại 5 ngăn với thể tích mỗi bể là 32,6 m³ tại khu vực khu nhà văn phòng, khu vực xưởng sản xuất. Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn thoát ra môi trường của khu vực Cơ sở.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa thành phẩm.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa thành phẩm: Nước thải ☐ Bể lắng 01 ☐ Bể lắng 02 ☐ Thoát ra môi trường.

+ Kích thước các bể xử lý:

TT	Công trình	Kích thước xây dựng	Đơn vị	Thể tích
1	Bể lắng 01	- Kích thước (L×B×H): (1,5×2,5×1,5) m - Vật liệu: BTCT M250	m ³	5,6
2	Bể lắng 02	- Kích thước (L×B×H): (1,5×2,5×1,5) m - Vật liệu: BTCT M250	m ³	5,6

- Hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa đất nguyên liệu

+ Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa đất nguyên liệu: Nước thải ☐ Bể lắng 01 ☐ Bể lắng 02 ☐ Thoát ra môi trường.

- Kích thước các bể xử lý:

TT	Công trình	Kích thước xây dựng	Đơn vị	Thể tích
1	Bể lắng 01	- Kích thước (L×B×H): (0,75×1,9×1,5) m - Vật liệu: BTCT M250	m ³	2,1
2	Bể lắng 02	- Kích thước (L×B×H): (0,75×1,9×1,5) m - Vật liệu: BTCT M250	m ³	2,1

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở có tổng lượng nước thải phát sinh tối đa 219 m³/ngày đêm nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, K_q=0,9; K_f=1,2) và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2) trước khi thải ra môi trường.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
Cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ lò nung;
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ lò sấy.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải:

- Dòng thải số 1 (Nguồn số 01): Khí thải sau khi xử lý qua ống khói lò nung cao 15 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 2 (Nguồn số 02): Khí thải sau khi xử lý qua ống khói lò sấy cao 12 m thoát ra môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà tại Quốc Lộ 9, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

- Tọa độ vị trí xả thải:

+ Tại ống khói lò nung, tọa độ: X: 1.858.837 m, Y: 611.743 m.

+ Tại ống khói lò sấy, tọa độ: X: 1.858.880 m, Y: 611.700 m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 80.000 m³/giờ.

- Dòng thải số 1: lưu lượng xả khí thải tối đa là 40.000 m³/h.
- Dòng thải số 2: lưu lượng xả khí thải tối đa là 40.000 m³/h.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, xả liên tục theo thời gian làm việc.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B, Kp=0,9; Kv=1,0).

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	3 tháng/lần	Không áp dụng
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
5	CO	mg/Nm ³	900		
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Công trình xử lý khí thải

- Xử lý bụi, khí thải lò nung: Xử lý, giảm thiểu bụi, khí thải lò nung gắn liền với dây chuyền sản xuất gạch Tuy nen, cụ thể như sau:

+ Bụi: Với công nghệ phối trộn than trong đất theo định lượng nên lượng nhiệt bản thân của viên gạch đã đủ nhiệt chín do đó việc gia thêm nhiệt rất ít, đây là yếu tố làm tăng chất lượng sản phẩm, đồng thời ít phát sinh bụi ra môi trường.

+ SO₂: Việc sử dụng xỉ than có hàm lượng SO₂ thấp giúp cho nồng độ SO₂ trong khí thải ra được giảm thiểu đáng kể.

+ CO: Đưa nhiên liệu đốt vào từng đợt đủ để cháy, không đưa vào lượng lớn nhiên liệu một lần. Lượng không khí đưa vào để làm nguội gạch sau đó đi tiếp vào vùng nung. Việc cấp oxi này giúp quá trình đốt cháy luôn đủ oxi, giúp giảm nồng độ CO phát sinh.

+ NO_x: Với công nghệ phối trộn than trong đất theo định lượng thì việc sử dụng nhiên liệu đốt giảm đi đáng kể, từ đó, lượng khí NO_x phát sinh từ quá trình đốt than cám cũng giảm đi.

Khí thải thoát vào môi trường qua ống khói đường kính 0,6 m, cao khoảng 15 m bằng quạt hút với công suất 40.000 m³/h.

- Xử lý bụi, khí thải lò sấy: Để cấp nhiệt cho lò sấy, cơ sở tận dụng lượng nhiệt từ lò nung sấy gạch, khí thải từ lò nung theo đường ống thép đường kính 0,9 m dài khoảng 3,2 m đến cấp cho lò sấy. Trong quá trình sấy, khí thải sẽ hấp thụ vào hơi nước phát sinh từ gạch và được hấp phụ vào đất sét có trong thành phần gạch, khí thải thoát vào môi trường qua ống khói đường kính 0,8 m, cao khoảng 12 m bằng quạt hút với công suất 40.000 m³/h.

- Thông số thiết bị hệ thống xử lý khí thải:

STT	Thiết bị	Thông số của lọc bụi túi vải
1	Ống khói lò nung	- Công suất: 40.000 m ³ /h - Đường kính ống khói: 0,6 m. Cao 15 m
2	Ống khói lò sấy	- Công suất: 40.000 m ³ /h - Đường kính ống khói: 0,8 m. Cao 12 m

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu...; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, đường ống dẫn khí tại mỗi ca làm việc;
- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý bụi, khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Phát sinh từ hoạt động máy móc trong Nhà xưởng sản xuất gạch Tuynel (Khu vực máy nhào, trộn đất; Khu vực máy ép đất).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh: Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ: Khu vực Nhà xưởng sản xuất gạch Tuynel. Tọa độ: X: 1.858.887 m;
Y: 611.750 m

(Theo Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°00', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Bên trong nhà xưởng: Tiếng ồn và độ rung bên trong nhà xưởng sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 24:2016/BYT - QCKTQG về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; 27:2016/BYT - QCKTQG về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc. Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Thông số	Đơn vị	Tiếp xúc 1h	Tiếp xúc 4h	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ
Độ ồn	dBA	94	88	QCVN 24:2016/BYT	06 tháng/lần, trong thời điểm đang hoạt động
Độ rung (Gia tốc rung)	(m/s ²)	3,9	2,0	QCVN 27:2016/BYT	

- Khu vực bên ngoài nhà xưởng, xung quanh Cơ sở: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc
1	Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Không áp dụng
2	Độ rung	m/s ²	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Khu vực nhà xưởng được thiết kế cách ly với văn phòng làm việc;
- Các loại máy có động cơ lớn được cân chỉnh và cố định bằng các bộ móng hạn chế rung động;
- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất;
- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị quá tải;
- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Nhà máy;
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.
- Trang bị bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc tại khu vực sản xuất.
- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 1 lần/năm theo Nghị định 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động..

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Cơ sở.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, 27:2016/BYT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên CTNH	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1,75
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 04	1,5
3	Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm chất thải phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1,25

- Tổng lượng chất thải nguy hại của Nhà máy khoảng 4,5 kg/tháng.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Gạch vỡ	Rắn	100
2	Muội than	Rắn	300

- Lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất của Cơ sở khoảng 400 kg/tháng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

- Khối lượng: 38,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại trong Cơ sở được thu gom đúng quy định về thủ tục quản lý và xử lý CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cơ sở đã áp dụng các biện pháp thu gom như sau:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng lưu chứa rác loại 120L kín để thu gom và lưu giữ CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa CTNH: Khi CTNH bố trí tại góc phía Bắc Nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn/năm với diện tích 8 m². Bên ngoài kho chứa CTNH bố trí 01 biển báo khu vực nguy hiểm không cho người ngoài ra vào khu vực.

2.1.3. Hợp đồng với Đơn vị có giấy phép hành nghề chất thải nguy hại để vận chuyển và đưa đi xử lý, tần suất không quá 12 tháng/lần.

2.1.4. Tăng cường nhắc nhở cán bộ của nhà máy thường xuyên vệ sinh, thu gom chất thải trong quá trình hoạt động, bảo dưỡng thiết bị, lưu tại khu vực kho chứa theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thực hiện phân loại CTR tại nguồn. Xử lý tại nguồn một phần rác hữu cơ thông qua ủ phân compost và tái chế nhựa/giấy để giảm lượng rác chuyển giao.

+ Bố trí 03 thùng đựng rác loại 60L trong khuôn viên, định kỳ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà đưa đi xử lý với tần suất 1 ngày/lần.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường:

+ Đối với gạch vụn phát sinh sẽ được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

+ Đối với muội than được thu gom và sử dụng để lót nền tại khu vực xe goòng.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC.

- Bố trí các thiết bị chữa cháy tại những nơi dễ thấy, dễ cháy gồm: bình chữa cháy CO₂, hệ thống vòi phun nước... để chữa cháy khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Lắp đặt các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thực hiện phòng chữa cháy cho mọi người.

- Thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện.

- Đưa ra các nội quy CBCNV không được hút thuốc trong khuôn viên Cơ sở;

- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn và thực hành về công tác phòng cháy chữa cháy cho CBCNV dưới sự hướng dẫn của cảnh sát PCCC, định kỳ 01 lần/năm;

- Các số điện thoại của y tế, PCCC bố trí sẵn để kịp thời ứng cứu. Phương tiện PCCC có tiêu lệnh và hướng dẫn cách sử dụng.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, Ban lãnh đạo Công ty thông báo kịp thời cho toàn bộ CBCNV trong Cơ sở và các cơ sở sản xuất lân cận biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy kịp thời hạn chế đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm;

2. Phòng ngừa tai nạn lao động, an toàn giao thông

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao tay nghề cho CBCNV, tập huấn về an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong cơ sở theo quy định hiện hành.

- Thực hiện tốt các biện pháp an toàn lao động đối với thiết bị dùng điện, kho chứa nguyên liệu, sản phẩm.

- Thực hiện các quy định phòng chống cháy nổ theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân phù hợp với từng vị trí, điều kiện làm việc theo quy định.

- Xây dựng nhà xưởng rộng rãi, cao ráo tạo nên không khí thoáng mát tại xưởng làm việc.

- Các phương tiện cá nhân của CBCNV, xe chuyên chở nguyên vật liệu sản phẩm ra vào phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thực hiện Chương trình quan trắc theo Phụ lục 1, 2, 3.

2. Quan trắc chất thải rắn

- Thông số quan trắc: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa CTR, CTNH.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

- Cơ sở đã hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định số 170/QĐ-UB ngày 23/01/2003 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy gạch ngói Tuynel Đông Hà.

- Yêu cầu Chủ Cơ sở phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, đảm bảo thu gom và xử lý lượng nước thải, khí thải phát sinh trước khi xả thải ra môi trường. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải, Cơ sở sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và có biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Yêu cầu Chủ Cơ sở thực hiện vận hành có hiệu quả hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường khác theo Nội dung của giấy phép này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, 07/2025/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải luôn

đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025).

3. Thường xuyên thực hiện vệ sinh công nghiệp trong toàn bộ khuôn viên nhà máy trong suốt quá trình hoạt động.

4. Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đối với các nguồn khí thải không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nếu có) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

- Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà điều hành do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

8. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Xây dựng lộ trình chuyển đổi công nghệ sản xuất gạch công nghệ cao phù hợp với lộ trình phát triển vật liệu xây dựng của Chính phủ và UBND tỉnh Quảng Trị và thực hiện xây dựng Nhà máy gạch công nghệ cao như đã cam kết trong 3 năm tới.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, 2, 3 và 4 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường do Chủ Cơ sở cung cấp; Chủ Cơ sở tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này)./.